TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21- 5-2021
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm
2. Ông Hồ Văn Khang

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Phạm Minh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về "Ly hôn tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1999 (có mặt),
Địa chỉ: Ấp PH, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.
Tạm trú: Ấp PL1, xã SĐ, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.
- *Bị đơn*: Anh Bùi Quốc Đ, sinh năm: 1988 (có mặt),
Địa chỉ: Ấp PH, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-02-2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh Bùi Quốc Đ tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2017, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã PC, thị xã TB. Ngày cưới bên chồng có cho 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, 01 cặp nhẫn, tất cả vợ chồng bán để chi phí hết. Cưới xong vợ chồng sống chung bên chồng. Thời gian chung sống đến tháng 11 năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, nên thường xuyên cải vã gây gỗ nhau, vợ chồng đi làm công nhân, anh Đ rút tiền lương về không đưa cho chị để chi phí nuôi con, anh làm gì không nói cho chị biết, khi con bệnh thì không có tiền để chi, anh Đ không

lo làm ăn lại cờ bạc thiếu nợ, mỗi lần hỏi đến tiền thì vợ chồng lời qua tiếng lại cải vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc, thêm việc mẹ chị bệnh nằm viện mà chồng không cho về thăm, nên khi được mẹ chồng cho thì chị về nhà mẹ ruột ở luôn từ tháng 11-2019, đến tháng 7-2020 vợ chồng thuê nhà trọ sống chung trở lại, đến tháng 10-2020 chị đòi đi làm lại thì anh Đ không cho, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng ly thân đến nay. Thời gian này vợ chồng cũng không gặp nhau bàn việc đoàn tụ lại. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm nữa, cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung*: Có 03 con tên Bùi Quốc Th, sinh ngày 03-3-2017, Bùi Tường V, sinh ngày 26-8-2018 và Bùi Ngọc V, sinh ngày 12-9-2019, chị đang nuôi hai cháu Tường V và Ngọc V, còn anh Đ nuôi cháu Quốc Th. Nay chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 cháu Tường V và Ngọc V, giao anh Đ nuôi cháu Th, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Bùi Quốc Đ trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của chị C về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, con chung là đúng, vợ chồng sống không có tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng vợ khai là không đúng, theo anh là từ năm 2018 do mẹ vợ bệnh, vợ có về thăm ở lại 3, 4 ngày mới về, thì chị của anh có gọi điện nói chuyện với chị của vợ, thì hai người có lời qua tiếng lại với nhau, dẫn tới vợ chồng cải vã nhau, vợ bỏ đi mấy tháng sau đó vợ chồng có thuê nhà trọ ở lại mấy tháng, đến tháng 10-2020 vợ bỏ đi luôn, vợ chồng sống ly thân luôn. Nay vợ xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 03 cháu như vợ khai là đúng, anh yêu cầu nuôi hai cháu Quốc Th và Ngọc V, để cho vợ nuôi cháu Tường V, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh hiện tại là nhân viên công ty sữa, thu nhập trên 10.000.000 đồng/tháng, nên anh có điều kiện để nuôi hai con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng chị C, anh Đ đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị C với anh Đ; về con chung: Giao chị C được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Bùi Tường V và Bùi Ngọc V; giao anh Đ được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Quốc Th. Ghi nhận anh, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu, nên không giải quyết; về nợ chung: Anh chị khai không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Kim C xin ly hôn với anh Bùi Quốc Đ, Toà án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị C, anh Đ tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 10-2020.

Xét thấy, do anh chị bất đồng quan điểm, sống không phù hợp nhau, anh Đ thiếu trách nhiệm với vợ con, đi làm không đem tiền về cho vợ để chi phí, anh còn cờ bạc thiếu nợ, nên không đủ tiền chi phí cho con, vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại cải vã với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nên chị C bỏ đi. Qua làm việc và tại toà hôm nay anh Đ đồng ý ly hôn với chị C. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị C với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Có 03 con tên Bùi Quốc Th, sinh ngày 03-3-2017, Bùi Tường V, sinh ngày 26-8-2018 và Bùi Ngọc V, sinh ngày 12-9-2019. Chị C đang nuôi hai cháu Tường V và Ngọc V, anh Đ nuôi cháu Quốc Th. Nay chị C yêu cầu mỗi người tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; anh Đ yêu cầu nuôi 02 cháu Quốc Th và Ngọc V, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, chị C đã nuôi 02 cháu ổn định, các cháu là nữ, còn nhỏ cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ nhiều hơn; xét yêu cầu của anh Đ thấy rằng, cháu Ngọc V, sinh ngày 12-9-2019, cháu chưa đủ 03 tuổi, về nguyên tắc phải giao cho mẹ nuôi. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và đảm bảo về sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của con, nhất là trẻ em gái, nghỉ nên giao 02 cháu Tường V và Ngọc V cho chị C được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Quốc Th cho anh Đ được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân gia đình. Ghi nhận anh chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con,

[4] *Về tài sản chung*: Chị C, anh Đ không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị C, anh Đ khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị C chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Bùi Quốc Đ.

2. *Về con chung*: Giao 02 cháu Bùi Tường V, sinh ngày 26-8-2018 và Bùi Ngọc V, sinh ngày 12-9-2019 cho chị Nguyễn Thị Kim C được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Bùi Quốc Th, sinh ngày 03-3-2017 cho anh Bùi Quốc Đ được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị C, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Chị C, anh Đ không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Chị C, anh Đ khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

5. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị Nguyễn Thị Kim C tự nguyện chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị C đã nộp theo Biên lai thu số 0015189 ngày 10-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã PC, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An